



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán 2010, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 và Điều lệ Công ty.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty; quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

3. Đối tượng áp dụng:

- a) Cổ đông;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- c) Ban Điều hành gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- d) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- e) Các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị công ty

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị minh bạch, hiệu quả;
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
4. Đảm bảo vai trò định hướng của Hội đồng quản trị; điều hành, quản lý của Ban Điều hành và kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:



a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty;

b) “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán;

c) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;

d) “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

e) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;

f) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi tắt là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

g) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (sau đây gọi tắt là thành viên độc lập) là những thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;

h) Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin của cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.



2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mọi cổ đông sở hữu cổ phần cùng loại đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

e) Quyền được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty và yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cổ đông yêu cầu cung cấp, kiểm tra thông tin

1. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác gửi yêu cầu bằng văn bản đến Tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Thư ký Hội đồng quản trị được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản



hoặc liên hệ trực tiếp Thư ký Hội đồng quản trị. Trường hợp sửa đổi thông tin không chính xác, cổ đông gửi kèm bản sao chứng thực các giấy tờ chứng minh thông tin.

2. Cổ đông yêu cầu sao chép, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp bằng văn bản với Thư ký Hội đồng quản trị để được cung cấp tài liệu.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền:

a) Yêu cầu xem xét, trích lục sổ Biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hằng năm và các báo cáo của Ban Kiểm soát theo trình tự sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy lễ tân tại trụ sở chính của Công ty;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công Thư ký Hội đồng quản trị cung cấp thông tin trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

b) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty nếu xét thấy cần thiết theo trình tự sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy lễ tân tại trụ sở chính của Công ty;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công Thư ký Hội đồng quản trị cung cấp thông tin trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

c) Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông (họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác/Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, nội dung yêu cầu hoặc các vấn đề cần kiểm tra và mục đích kiểm tra, chữ ký của cổ đông (có đóng dấu nếu là tổ chức) hoặc nhóm cổ đông.

d) Trường hợp từ chối cung cấp thông tin hoặc kiểm tra thì công ty phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối.

4. Cổ đông yêu cầu xem xét, trích lục và sao chụp một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều



159 Luật Doanh nghiệp có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Thư ký Hội đồng quản trị để được cung cấp tài liệu.

5. Công ty gửi tài liệu trích lục, sao chụp cho cổ đông trực tiếp bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email của cổ đông.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ công ty một cách nhanh chóng chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp qua các kênh sau:

a) Website chính thức của Công ty: <http://www.becamextdc.com.vn>;

b) Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;

c) Thông cáo báo chí của công ty;

d) Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

e) Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ công ty.

3. Cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc bằng hình thức điện tử khác. Cách thức tổ chức Hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được hướng dẫn ở Phụ lục 01 của Quy chế này.

Điều 9. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có



mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- a) Chứng minh nhân dân/ Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- b) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự).

2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Phiếu biểu quyết, mã đại biểu (mã dự họp cấp cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông), Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử, trong đó:

- a) “Phiếu biểu quyết” có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện có đóng dấu treo công ty;
- b) “Phiếu biểu quyết” có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện có đóng dấu treo công ty;
- c) “Phiếu bầu cử” có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu có đóng dấu treo công ty;

Điều 10. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước đại hội :

- a) Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- b) Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình;

3. Phương thức biểu quyết:

a) Phương thức nộp “Phiếu biểu quyết”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội và các nội dung khác tại đại hội.

b) Phương thức nộp “Phiếu bầu cử”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:



a) Về hình thức; Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện.

b) Về nội dung;

- Phiếu biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút mực chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu bầu cử:

+ Không ghi thêm nội dung nào khác vào phiếu bầu;

+ Đánh dấu “X” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng bút chì, không gạch tên các ứng cử viên;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng hơn tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

+ Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát và biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ/Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có đủ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm (05) năm của Công ty;

c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế các thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng giám đốc;

d) Các vấn đề khác.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ



chức quản lý Công ty, giao dịch đầu tư hoặc bán lại tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề bất kỳ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc, và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy chế này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở GDCK;
- d) Báo trung ương và địa phương.

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK.



Điều 14. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quyết định do tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội nhất trí thông qua.

b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Thành viên hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến mười một (11) thành viên; trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị, hai (01) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty và tuyên bố phải được thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, lưu giữ tại Công ty bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;



b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

4. Việc kê khai các lợi ích quy định tại Khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong bảy (07) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có bổ sung, sửa đổi tương ứng.

5. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 18 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. Thành viên Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Kiểm soát viên. Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị .

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều này. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;



- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

4. Ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu vào hội đồng quản trị.

5. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Cách thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

b) Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

c) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.

d) Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp.



Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn là tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị có quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;

g) Cổ đông pháp nhân không cử làm đại diện ủy quyền;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:

a) Bị Tòa án tuyên bố hoặc có những bằng chứng chuyên môn tin cậy chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Hội đồng quản trị ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều này;

c) Đại hội đồng cổ đông ra quyết định bãi nhiệm;

d) Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng quản trị;

e) Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân.

3. Thành viên hội đồng quản trị bị miễn nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Điều 19. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được hoạt động theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên từ ba (03) đến năm (05) người; Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo Điều lệ Công ty.
3. Các Kiểm soát viên phải bầu một người làm trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.
4. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty.
5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên: thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 22. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban kiểm soát theo Khoản 2 Điều này. Việc đề cử ứng viên Ban kiểm soát mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng



viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang là Kiểm soát viên và/hoặc giữ các chức danh quản lý;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

4. Ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

5. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 23. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên không còn là tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó bị luật pháp cấm làm Kiểm soát viên;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo đến trụ sở chính của Công ty;



c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;

g) Cổ đông pháp nhân không cử làm đại diện ủy quyền.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

Việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 26. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm Kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).

CHƯƠNG VI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

Trong từng nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. Thành viên của các Tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử người lao động Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết. Các Tiểu ban gồm:

1. Tiểu ban Thư ký:

a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định;

b) Nhiệm vụ của Tiểu ban Thư ký:



- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - + Chọn địa điểm họp phù hợp, phòng họp đủ điều kiện chỗ ngồi, ánh sáng, âm thanh, thiết bị ghi âm, ghi hình;
 - + Kiểm tra tư cách đại biểu;
 - + Chuẩn bị tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo sổ đăng ký cổ đông;
- Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - + Lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, và lập biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - Lưu trữ thông tin Công ty: Sổ đăng ký cổ đông, Sổ biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các tài liệu cần thiết khác;
 - Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật;
 - Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Tiểu ban tư vấn pháp luật:
 - a. Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định;
 - b. Tiểu ban tư vấn pháp lý có nhiệm vụ:
 - Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh tế, dân sự và các văn bản pháp lý của công ty;
 - Đảm bảo các điều kiện pháp lý cho hoạt động của Công ty; Dự thảo, sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế, nội quy, hoạt động của Công ty;
 - Tư vấn Hội đồng quản trị, tổng giám đốc thực hiện đúng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty;
 - Hỗ trợ pháp lý cho Tổng giám đốc khi có các tranh chấp về các hợp đồng;
 - Giúp Hội đồng quản trị tìm kiếm các chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực luật chuyên ngành theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- 3. Tiểu ban Tư vấn công nghệ, thị trường, lương thưởng và nhân sự,:
 - a. Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định;
 - b. Tiểu ban Tư vấn công nghệ, thị trường, lương thưởng và nhân sự, giúp Hội đồng quản trị nhiệm vụ:
 - Xây dựng chiến lược pháp triển, đầu tư, mua bán công nghệ;



- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường;
- Tư vấn về chế độ tiền lương, thưởng cho người lao động;
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

4. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các Tiểu ban nêu trên hoặc các Tiểu ban khác khi nhu cầu thực tế đòi hỏi và theo quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VII NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 28. Người điều hành doanh nghiệp

1. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Trong trường hợp Tổng giám đốc không đề xuất nhưng xét thấy cần thiết và phục vụ lợi ích chung, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có quyền xem xét và ra quyết định bổ nhiệm, điều động, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể của từng vị trí công việc, có năng lực chuyên môn, năng lực thực tiễn và có tinh thần trách nhiệm cao, có sự cẩn thận cần thiết để quản lý, điều hành các hoạt động tổ chức phụ trách đạt được các mục tiêu đề ra.

4. Tiêu chuẩn, trình tự thủ tục thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, điều động, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khác của công ty.

Điều 29. Công bố thông tin về thay đổi, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).



CHƯƠNG VIII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Việc mời tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể mời Trưởng ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban điều hành, Kiểm soát viên tham dự.

2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.

3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành tham dự cuộc họp.

4. Thư mời họp phải đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, ý kiến khi được Chủ tọa phiên họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên dự thính) trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 31. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 32. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Khi cần thiết Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc cũng như Người điều hành doanh nghiệp khác báo cáo về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.



3. Tổng giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và hàng năm).

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng quý, 06 tháng và hàng năm) và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Trước ngày 31/3 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

d) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

3. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phải được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát một (01) bản để báo cáo.

Điều 33. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác tham gia khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trao đổi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.



CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động

a) Tùy vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy ý kiến thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

b) Đối với Người điều hành doanh nghiệp khác do Tổng giám đốc quyết định phương thức, quy trình, tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành doanh nghiệp khác định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

d) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động và do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 35. Khen thưởng , kỷ luật

1. Khen thưởng:

a) Thẩm quyền khen thưởng:

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với chức danh điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.



- Tổng giám đốc quyết định khen thưởng đối với chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

b) Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;

- Bằng hiện vật;

c) Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động Công ty.

2. Kỷ luật:

Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm kỷ luật đối với Người điều hành doanh nghiệp Công ty thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

CHƯƠNG X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật có liên quan đó đượcng nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Giang Quốc Dũng



PHỤ LỤC SỐ 01

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

-----//-----

QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYÊN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương đã được Đại hội cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (Công ty TDC).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- a. **“Đại biểu”** là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
- b. **“Đại hội đồng cổ đông trực tuyến”** là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia *thông qua mạng internet* để thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
- c. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty TDC quy định và thông báo.
- d. **“Hệ thống bỏ phiếu điện tử”** là hệ thống cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- e. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
- f. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.
- g. **“Bầu dồn đều”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
- h. **“Bầu ghi số”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu



sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

a. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty TDC.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty TDC.

b. Yêu cầu kỹ thuật:

- Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

c. Cách thức thực hiện:

- Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 4 Quy chế này để tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty TDC.

c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.



Điều 5. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 4 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 6. Quy định về ủy quyền trực tuyến

a. Cổ đông là cá nhân: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho duy nhất một cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu tại đại hội.

b. Cổ đông là tổ chức: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu tối đa cho 03 người đại diện thay mặt tham dự và bỏ phiếu đại hội.

c. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

d. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty TDC nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

e. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty TDC trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty TDC nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

f. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu điện tử

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử



ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty TDC không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty TDC. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.

Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.



Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 9 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

a. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty TDC tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông .

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

a. Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TDC theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

b. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty TDC về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

c. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty TDC để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty TDC để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty TDC nhận được thông báo của Đại biểu nêu như nguyên nhân là do Đại biểu.

Điều 13. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:



- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty TDC trả lời sau.

Điều 14. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

a. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty TDC) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....

b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Điều khoản khác

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Quy chế này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty TDC, Quy chế quản trị Công ty TDC và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

- a. Phụ lục này gồm 3 chương, 16 điều và có hiệu lực từ ngày ban hành.
- b. Đại biểu, các cá nhân, tổ chức, phòng ban liên quan đến Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty TDC có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

Trên đây là nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Giang Quốc Dũng

